

ĐỀ ÁN

Kiến toàn Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ Nông dân thành phố Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của
UBND thành phố Huế)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

- Công văn số 320-CV/TW ngày 13/5/1996 Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VIII) về việc tạo điều kiện cho Hội Nông dân các cấp xây dựng Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới;

- Chương trình số 75-CTr/TU ngày 06/3/2024 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị “Về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”;

- Đề án số 111-ĐA/TU ngày 19/6/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Huế về việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp thành phố và cấp xã.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

- Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

- Văn bản số 4035/KTTH ngày 26/7/1995 của Thủ tướng Chính phủ về tán thành chủ trương thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân Việt Nam;

- Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 8/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

- Thông tư số 92/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

3. Cơ sở thực tiễn

Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố thuộc Hội Nông dân thành phố Huế được thành lập theo Quyết định số 211-QĐ/HNDT ngày 15/12/2011 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Hội Nông dân thành phố Huế) trên cơ sở Quyết định số 80-QĐ/HND ngày 02/03/1966 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Quỹ Hỗ trợ nông dân (HTND) hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân (ban hành theo Quyết định số 908-QĐ/HNDTW ngày 15/11/2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam); Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và các văn bản hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Sau 14 năm thành lập và hoạt động, đến nay Quỹ HTND thành phố luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy và TW Hội Nông dân Việt Nam; sự quan tâm, tạo điều kiện của UBND thành phố Huế và sự phối hợp của các Sở, ban ngành, đoàn thể thành phố, Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố đã có bước phát triển đáng kể.

3.1. Về phát triển nguồn vốn

- Sau khi có Quyết định thành lập, Quỹ HTND thành phố chính thức đi vào hoạt động và cho hội viên nông dân vay vốn vào năm 2013, với số vốn ban đầu là 4.973 triệu đồng gồm: 4.031 triệu đồng nguồn Trung ương, 942 triệu đồng nguồn thành phố quản lý (trong đó Ngân sách thành phố cấp vốn Điều lệ là 500 triệu đồng, vốn thành phố quản lý 442 triệu đồng (nguồn XSKT)).

- Sau gần 14 năm thành lập và hoạt động, đến thời điểm 31/7/2025 nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố quản lý, sử dụng cho vay 36.674,5 triệu đồng. Trong đó ngân sách thành phố: 30.206,4 triệu đồng; nguồn vận động ủng hộ: 5.974,8 triệu đồng; nguồn bổ sung từ hoạt động 458,8 triệu đồng; nguồn hình thành TSCĐ 34,5 triệu đồng.

Số liệu chi tiết nguồn vốn Quỹ HTND thành phố*ĐVT: triệu đồng*

Nguồn vốn	Năm						Tổng cộng
	Trước 2021	2021	2022	2023	2024	7tháng 2025	
Ngân sách thành phố cấp	12.656,40	1.500,00	1.500,00	2.000,00	1.800,00	10.750,00	30.206,40
Bổ sung từ hoạt động	146,80	50,00				262,00	458,80
Nguồn ủng hộ, vận động	136,80					5.838,00	5.974,80
Nguồn vốn hình thành TSCĐ	20,50	-5,60	-5,60	5,00	5,20	15,00	34,50
Tổng cộng	12.960,50	1.544,40	1.494,40	2.005,00	1.805,20	16.865,00	36.674,50

3.2. Về sử dụng vốn

Hoạt động cho vay của Quỹ thực hiện thống nhất theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam nhằm khai thác, phát huy lợi thế của tổ chức Hội trong việc lựa chọn địa bàn, mô hình xây dựng, thẩm định, giải ngân, kiểm tra, giám sát dự án¹.

- Năm 2013, Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố bắt đầu hoạt động cho vay với tổng số vốn là 4,973 tỷ đồng với 30 dự án vay cho 340 hộ vay.

- Giai đoạn từ 2013 - 2023, Quỹ đã cho vay vốn với tổng số vốn là 188,9 tỷ đồng (trong đó nguồn Trung ương là 91,8 tỷ, nguồn thành phố quản lý là 90,2 tỷ và nguồn khác là 6,9 tỷ) với 737 dự án cho 6.610 lượt hộ vay.

- Đến thời điểm 31/12/2024 với nguồn vốn hiện có và nguồn nhận ủy thác từ Trung ương đang quản lý, Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố đã cho vay số tiền là 29,238 tỷ đồng cho 75 dự án với 622 hộ vay. Trong đó có 37 dự án thuộc lĩnh vực trồng trọt, 23 dự án lĩnh vực chăn nuôi, 12 dự án lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và 3 dự án ngành nghề khác.

- Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND thành phố Huế phê duyệt đề án sáp nhập Quỹ HTND cấp huyện vào Quỹ HTND cấp thành phố. Đến thời điểm ngày 31/07/2025, doanh số cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp thành phố 39,802 tỷ, cho vay 197 dự án với 933 hộ vay.

¹ Hiện nay Quỹ cho vay tối đa 100 triệu đồng/hộ, một dự án từ 300 triệu đồng đến 1 tỷ đồng; thời gian vay tùy loại hình sản xuất, kinh doanh (theo chu kỳ cây, con), tối đa 60 tháng

3.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động

a. Những kết quả đạt được

Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố là một trong các quỹ tài chính nhà nước hoạt động hiệu quả, hỗ trợ cho vay lãi suất thấp so với lãi suất của các ngân hàng thương mại; hạn mức cho vay phù hợp với mặt bằng sản xuất kinh doanh và khả năng chi trả của đối tượng vay; thời gian cho vay phù hợp; các điều kiện, tiêu chí cho vay phù hợp; thủ tục vay vốn đơn giản, bảo đảm cho các đối tượng tiếp cận nguồn vốn vay nhanh. Tuy nguồn lực tài chính còn hạn chế nhưng Quỹ đã khẳng định là kênh tín dụng thiết thực, điểm tựa hỗ trợ vốn của nhà nông, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, không có nợ xấu, không có dự án phải khoanh nợ. Hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố được thể hiện qua các mặt sau:

- *Hiệu quả kinh tế:* Quỹ cho vay theo dự án nhóm hộ (*cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, ngành nghề*), đối tượng vay chủ yếu là các hộ trung bình, khá, có quyết tâm khát vọng làm giàu, nòng cốt phát huy tối đa hiệu quả vốn vay, tính tương trợ, đoàn kết giúp đỡ giữa các hộ vay, thông qua đó đã hình thành cách thức làm việc theo nhóm, thành lập các Tổ Hội nông dân nghề nghiệp, Chi Hội nông dân nghề nghiệp² là nền móng vững chắc của Tổ hợp tác, Hợp tác xã nông nghiệp³, những mắt xích quan trọng của liên kết hợp tác sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi tư duy từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp vì ba mục tiêu: năng suất cao, chất lượng cao, giá trị cao. Các dự án đều sử dụng vốn vay hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người vay, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp, phát triển lên Hợp tác xã hoạt động hiệu quả. Một số dự án ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất thành công, nhiều sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của thành phố; từng bước xây dựng một số nhãn hiệu tập thể hàng hóa nông sản theo đúng định hướng của thành phố và từng địa phương như sen Huế, mai vàng, bò vàng A Lưới, tinh dầu trầm Huế...

- *Hiệu quả chính trị:* Quỹ Hỗ trợ nông dân là kênh trợ vốn hữu hiệu, nơi chuyển tải kịp thời và hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng thụ hưởng. Quỹ là công cụ, điều kiện quan trọng để Hội Nông dân thu hút, tập hợp, vận động hội viên nông dân tham gia sinh hoạt, củng cố niềm tin của hội viên với tổ chức Hội, tiếp thêm nguồn lực nâng cao chất lượng công tác Hội và phong trào nông dân. Nguồn vốn Quỹ đã góp phần vào thành công và lan toả phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững, trở thành điểm sáng trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn, thông qua đó đã xuất hiện nhiều tấm gương hội

² Hội đã thành lập 27 chi hội, 210 tổ hội nông dân nghề nghiệp.

³ Hội đã hướng dẫn thành lập trên 52 tổ hợp tác, 14 hợp tác xã nông nghiệp

viên nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân Việt Nam xuất sắc⁴...khẳng định tổ chức Hội thực sự là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và xây dựng nông thôn mới.

- *Hiệu quả xã hội*: Từ việc cho vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao đời sống của nông dân, tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo thêm việc làm mới, việc làm tại chỗ, hạn chế tình trạng ly hương, giúp nông dân ổn định, yên tâm, gắn bó làm giàu trên quê hương; hỗ trợ hội viên nông dân kịp thời về vốn sản xuất, kinh doanh, hạn chế tình trạng “tín dụng đen” hoạt động trên địa bàn nông thôn, giảm tệ nạn xã hội góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội.

- *Hiệu quả môi trường*: Thông qua các dự án vay vốn Quỹ, thực hiện chỉ tiêu thi đua hàng năm được Trung ương Hội giao hội viên nông dân tham gia sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm phải đăng ký, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm. Hội có điều kiện tuyên truyền, theo dõi để giúp đỡ hội viên nông dân đưa các sản phẩm an toàn, chất lượng đến tay người tiêu dùng.

- *Hiệu quả hoạt động tài chính*: Quỹ hoạt động bảo toàn và phát triển nguồn vốn, là kênh dẫn vốn hiệu quả. Kết quả tài chính hàng năm bảo đảm theo kế hoạch, hiệu quả. Dư nợ năm sau cao hơn năm trước, không tồn đọng vốn, trích lập Quỹ dự phòng rủi ro bảo đảm đúng quy định, kết chuyển kinh phí bổ sung nguồn vốn. Quỹ chấp hành nghiêm túc pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn; chế độ báo cáo và giám sát tài chính.

Bảng kết quả hoạt động tài chính giai đoạn 2021 - 2025

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến 2020	Kết quả giai đoạn 2021 - 2025					Lũy kế đến hết 2025
			2021	2022	2023	2024	Dự kiến 2025	
I	Nguồn vốn	12.960,50	1.544,40	1.494,40	2.005,00	1.805,20	16.865,00	36.674,50
1	Vốn ngân sách cấp qua các năm	12.656,40	1.500,00	1.500,00	2.000,00	1.800,00	10.750,00	30.206,40
2	Vốn bổ sung từ hoạt động	146,80	50,00				262,00	458,80
3	Nguồn vận động,	136,80					5.838,00	5.974,80

⁴ Có gần 24.000 hộ nông dân đạt danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp;

	ủng hộ)							
4	Nguồn vốn hình thành TSCĐ	20,50	(5,60)	(5,60)	5,00	5,20	15,00	34,50
II	Vốn ủy thác từ TW Hội	8.680,00	610,00	1.900,00	(1.055,00)	985,00	1.000,00	12.120,00
III	Thu nhập		564,90	623,90	1.611,89	783,30	2.401,00	
1	Thu phí từ hoạt động cho vay vốn quỹ HTND thành phố, phần thành phố hưởng: 3,36%/năm Năm 2025 8,4%/năm)		418,80	455,70	527,30	579,60	1.850,00	
2	Thu phí từ hoạt động nhận ủy thác (phần thành phố hưởng: 1,5%/năm)		146,10	131,30	152,70	152,70	150,00	
3	Thu khác (lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập khoản trích lập dự phòng rủi ro...)			36,90	931,89	51,00	401,00	
IV	Chi phí		399,70	482,80	598,30	642,50	2.170,00	
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ (trích lập dự phòng rủi ro)		124,50	133,20	156,30	91,00	300,00	
2	Chi phí hoạt động nghiệp vụ (trích phí UT cho xã theo TT 92)						1.110,00	
3	Chi quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân (phụ cấp, công		275,20	349,60	442,00	551,50	760,00	

	tác phí, đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, chi khác...)							
V	Kết quả tài chính (Thu - Chi)		165,20	141,10	1.013,59	140,80	231,00	
VI	Phân phối kết quả tài chính		165,20	141,10	1.013,59	140,80	231,00	
1	Trích quỹ đầu tư mua sắm TSCĐ (quỹ đầu tư phát triển) (20%)		33,00	28,22	24,80	24,20	46,20	
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Không quá 3 tháng lương, phụ cấp)		82,20	62,88	48,90	96,60	30,00	
3	Trích quỹ thưởng người quản lý						15,00	
4	Bổ sung nguồn vốn		50,00				139,80	
5	Chênh lệch thu chi chờ xử lý			50,00	939,89	20,00		

b. Một số tồn tại, hạn chế

- Tính pháp lý trong việc thành lập và hoạt động Quỹ HTND các cấp chưa cao, còn thiếu nhiều quy định, văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và một số Bộ ngành Trung ương liên quan.

- Mô hình, hình thức quản lý hoạt động Quỹ HTND chưa đồng bộ, chưa thống nhất trong hệ thống Hội Nông dân từ Trung ương đến địa phương. Do vậy một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thấy rõ vai trò quan trọng, đặc thù của Quỹ HTND và chưa quan tâm, hỗ trợ nguồn lực để Quỹ HTND hoạt động và phát triển.

- Nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của nông dân, hội viên nông dân là khá lớn, trong khi đó nguồn vốn hoạt động của Quỹ còn rất thấp, chỉ mới đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu vay trên thực tế.

II. MỤC TIÊU, SỰ CẦN THIẾT, TÍNH KHẢ THI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố, hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân; thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức Hội, góp phần xây dựng Hội Nông dân ngày càng vững mạnh; tổ chức tốt và nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào nông dân.

2. Sự cần thiết và tính khả thi

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã khẳng định *“Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế. Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới”*. Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới trong đó đưa ra giải pháp về *“Nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân; mở rộng mô hình Hội Nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh”*.

Chương trình hành động số 04-CTHĐ/HNDTW ngày 08/03/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đưa ra giải pháp: *“Nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân; tăng cường mô hình hội nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Chính quyền các cấp tăng cường quản lý, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước, vận động nguồn lực xã hội để cấp vốn điều lệ hàng năm cho Quỹ Hỗ trợ nông dân, đảm bảo đủ nguồn vốn để xây dựng các mô hình điểm trong phát triển nông nghiệp ở nông thôn”*.

Quỹ Hỗ trợ nông dân tiếp tục khẳng định vai trò trong việc kết nối, tập hợp hội viên nông dân cùng ngành nghề, lợi ích, khát vọng làm giàu; hỗ trợ vốn cho hội viên nông dân tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Việc cho vay theo dự án nhóm hộ đã phát huy thế mạnh ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của địa phương để xây dựng Chi, Tổ hội nông dân nghề nghiệp, đồng thời làm nền tảng cho việc thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Một

số mô hình, dự án đầu tư, mở rộng, phát triển mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội khá cao, cụ thể:

+ Về lĩnh vực trồng trọt: với các loại cây trồng đã và đang được đầu tư, liên kết nhân rộng gồm các sản phẩm từ cây sen Huế, tinh dầu trầm, cây mai vàng, gạo hữu cơ, nấm rơm, thanh trà...

+ Về lĩnh vực chăn nuôi, chủ yếu tập trung phát triển đàn gia súc: đàn bò, dê, lợn thịt tại các địa bàn lợi thế.

+ Về nuôi trồng thủy sản: các sản phẩm có lợi thế, chủ lực như: tôm, cá chình, cá ngạnh, cá nâu, cua...

Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố có những ưu điểm: Bộ máy tổ chức gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phần lớn chênh lệch thu chi từ hoạt động của Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn hoạt động, tiếp tục cho vay quay vòng. Cách thức tổ chức hoạt động cho vay của Quỹ đơn giản nhưng hiệu quả nhờ tận dụng lợi thế mạng lưới rộng khắp của tổ chức Hội. Chất lượng tín dụng được bảo đảm, không có nợ xấu. Cán bộ, công chức của Hội Nông dân thực hiện công tác cho vay đã phát huy lợi thế nắm rõ địa bàn, thẩm định cho vay sát thực tế, thường xuyên theo dõi các hộ vay vốn sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích, quản lý vốn vay hiệu quả. Người vay có đủ năng lực pháp luật, hành vi dân sự theo quy định của Bộ Luật dân sự, có dự án xin vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp, phương án sử dụng vốn khả thi, đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, có khả năng tài chính bảo đảm trả nợ trong thời hạn cam kết. Với cách tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, thủ tục vay đơn giản, bảo đảm tiền vay bằng tín chấp của Hội Nông dân cấp xã đã kịp thời trợ giúp nông dân thiếu vốn để phát triển sản xuất, góp phần đẩy lùi nạn “tín dụng đen” ở nông thôn.

Do đó, để bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý cho Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố triển khai hoạt động, Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố là cần thiết trong quá trình phát triển, là cơ sở pháp lý quan trọng để Quỹ hoạt động và phát triển trong giai đoạn mới. Đây vừa là nhiệm vụ, vừa là điều kiện cần thiết trong việc đổi mới phương thức hoạt động, tập hợp, vận động nông dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

3. Nhu cầu hỗ trợ vốn của nông dân trong thành phố

Toàn thành phố hiện có trên 75.589 hội viên nông dân sinh hoạt ở 39 xã phường; gần 24.000 hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp; 210 Tổ hội nghề nghiệp, 27 Chi hội nghề nghiệp; 14 Hợp tác xã, 52 Tổ hợp tác. Hiện nay, nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân mới chỉ đáp ứng được nhu cầu vay vốn của khoảng 5% số hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, 10% thành viên các mô hình kinh tế tập thể do Hội Nông dân trực tiếp hướng dẫn thành lập.

Thực tế các trang trại, mô hình kinh tế tập thể rất khó khăn trong việc tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính sách hỗ trợ từ các ngân hàng vì không bảo đảm các tiêu chí được vay vốn, do đó Quỹ Hỗ trợ nông dân thực sự là kênh dẫn vốn tín dụng quan trọng để Hội Nông dân các cấp hiện thực hoá chủ trương chính sách hỗ trợ tín dụng của Đảng, Nhà nước đối với nông dân.

4. Tác động của Đề án

4.1. Về kinh tế

Tạo điều kiện cho hội viên nông dân được vay vốn thuận lợi với lãi suất ưu đãi, từ đó các hộ nông dân sẽ phát huy hiệu quả nguồn vốn, đầu tư sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề, tham gia các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, khai thác tiềm năng thế mạnh ở từng địa phương, tạo ra nông sản hàng hóa, dịch vụ chất lượng, hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Giải quyết được vấn đề việc làm của nông dân, thu hút được đông đảo lực lượng lao động dôi dư khu vực nông thôn tham gia sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Hỗ trợ các hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chuỗi giá trị sản phẩm bền vững; xây dựng và nhân rộng các mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến, tạo sự lan toả trong kinh tế nông nghiệp.

4.2. Về chính trị - xã hội

Duy trì và phát triển một kênh hỗ trợ tín dụng ưu đãi quan trọng về nguồn vốn cho hội viên, nông dân, góp phần hiện thực hoá chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội tiếp cận và được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế - xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Tăng cường tình đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong hội viên, nông dân, tạo sự ổn định xã hội ở nông thôn; hạn chế chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành phố; thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức Hội Nông dân, thực hiện tốt giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân, mở rộng mô hình Hội Nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất; khẳng định vai trò trung tâm, nòng cốt của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Phần II**NỘI DUNG ĐỀ ÁN****I. THÔNG TIN CHUNG****1. Tên gọi và địa điểm trụ sở**

- a. Tên gọi đầy đủ: Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Huế.
- b. Tên quốc tế: Hue City Supporting Fund of Farmers
- c. Tên viết tắt: Quỹ HTND thành phố Huế.
- d. Địa chỉ trụ sở: đặt tại cơ quan Hội Nông dân thành phố Huế. Số 14, đường Đống Đa, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật

a. Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Huế là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân thành phố; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

b. Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

c. Người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Huế là Giám đốc Quỹ.

II. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG**1. Nguyên tắc hoạt động**

a. Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

b. Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

c. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động

a. Hỗ trợ hội viên Hội Nông dân thành phố Huế xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân.

b. Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

c. Xây dựng thành công và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nhằm nâng cao quy mô sản xuất, phát triển ngành nghề; thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, chế biến để tạo ra các loại nông sản hàng hóa, dịch vụ, nhất là sản phẩm OCOP đạt chất lượng, hiệu quả cao.

3. Phạm vi hoạt động

Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Huế thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động trên phạm vi thành phố Huế.

III. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN

1. Chức năng, nhiệm vụ

a. Tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân.

b. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp xã.

c. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước.

d. Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

đ. Cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh.

e. Nhận ủy thác cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

g. Ủy thác cho Hội Nông dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ cho vay.

h. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân thành phố giao.

2. Trách nhiệm, quyền hạn

2.1. Trách nhiệm

a. Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

b. Thực hiện các quy định về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

c. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

d. Chịu sự lãnh đạo, quản lý của Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố và sự kiểm tra, giám sát của Quỹ HTND Trung ương.

2.2. Quyền hạn

a. Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

b. Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay

theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

c. Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố và các quy định của pháp luật có liên quan.

d. Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

đ. Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức chung:

a. Cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Huế gồm có:

- Hội đồng quản lý.

- Ban Kiểm soát.

- Ban Điều hành: gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

b. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định tại Điều 10, 11, 12 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố và các văn bản hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (nếu có).

2. Hội đồng quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân (thực hiện theo Khoản 2, Điều 10 Nghị định 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ).

2.1. Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố gồm 03 thành viên, là cán bộ của Hội Nông dân thành phố hoạt động kiêm nhiệm, cụ thể:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố là Phó Chủ tịch Hội Nông dân thành phố;

b) Một thành viên Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ HTND thành phố;

c) Thành viên còn lại của Hội đồng quản lý do Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố Huế bổ nhiệm.

2.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ. Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố quyết định việc quy hoạch bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội

đồng quản lý Quỹ HTND thành phố (thực hiện theo Khoản 6, Điều 10 Nghị định 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ), cụ thể:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý về một trong các lĩnh vực: kinh tế; tài chính; ngân hàng; nông nghiệp, nông dân, nông thôn; quản trị kinh doanh; luật; kế toán; kiểm toán.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân thành phố và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

2.4. Thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán, nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

2.5. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố được thể hiện bằng Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có 01 phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố.

d) Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố sử dụng con dấu của Ban Chấp hành Hội Nông dân thành phố Huế.

2.6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý bao gồm:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ HTND thành phố theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; chịu trách nhiệm trước Ban Thường trực vụ Hội Nông dân thành phố về

thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ HTND thành phố, trình Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố phê duyệt.

c) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ này.

d) Giám sát, kiểm tra Ban Điều hành Quỹ HTND thành phố trong việc chấp hành các chính sách pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

đ) Quyết định mức lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

e) Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

g) Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ HTND thành phố sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố phê duyệt.

h) Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

i) Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố phê duyệt phương án bố trí nhân sự để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ HTND thành phố.

k) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố.

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố.

2.7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố; phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý; chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng quản lý; việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý về nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ HTND thành phố.

c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố.

d) Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý

và hoạt động của Quỹ HTND thành phố.

đ) Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Ban Kiểm soát (thực hiện theo Điều 11, Nghị định 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ)

3.1. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ HTND thành phố là cán bộ của Hội Nông dân thành phố, do Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố bổ nhiệm, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố kiểm soát việc tổ chức, quản lý điều hành Quỹ HTND thành phố.

3.2. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 02 thành viên, gồm Trưởng ban Kiểm soát và thành viên.

3.3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ HTND thành phố là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

3.4. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Huế:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm làm việc ít nhất 03 (ba) năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật.

3.5. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, các quy định, chính sách, chế độ, Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ HTND thành phố.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ HTND thành phố.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính và việc trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố phân công.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.6. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn thành viên Ban Kiểm soát; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ HTND thành phố với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt

động của Ban Kiểm soát do Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố ban hành.

4. Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Huế

4.1. Ban Điều hành Quỹ HTND thành phố gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ phận giúp việc.

4.2. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ HTND thành phố, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ HTND thành phố.

4.3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ HTND thành phố:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành: Kinh tế, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Có kinh nghiệm công tác tại Quỹ Hỗ trợ nông dân ít nhất 05 năm.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân thành phố quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

4.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ HTND thành phố:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ HTND thành phố theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và các quyết định của Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ HTND thành phố theo thẩm quyền.

c) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố và Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND thành phố.

d) Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

đ) Quyết định tuyển dụng nhân sự dưới hình thức hợp đồng lao động để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ HTND thành phố.

e) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.5. Phó Giám đốc Quỹ HTND thành phố

a) Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ HTND thành phố theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm, nhiệm kỳ và số lượng của Phó Giám đốc quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

4.6. Kế toán trưởng Quỹ HTND thành phố

a) Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ HTND thành phố, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ HTND thành phố theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

b) Kế toán trưởng Quỹ HTND thành phố phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể và thẩm quyền bổ nhiệm Kế toán trưởng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

4.7. Bộ phận giúp việc của Quỹ HTND thành phố gồm có:

a) Các cán bộ của Hội Nông dân thành phố được phân công trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ HTND thành phố.

b) Người lao động được Quỹ HTND thành phố tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động.

c) Bộ máy giúp việc đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành Quỹ HTND thành phố.

5. Phương án bố trí nhân sự

5.1. Căn cứ thực hiện bố trí

a) Căn cứ vào các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP và điều kiện, yêu cầu quản lý thực tế của Quỹ HTND thành phố.

b) Căn cứ vào các Quyết định của Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố về việc phân công nhiệm vụ các đồng chí Thường trực HND thành phố nhiệm kỳ 2023 - 2028.

5.2. Phương án nhân sự chủ chốt Quỹ HTND thành phố giai đoạn 2025 – 2030

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay	Chức danh bố trí
I.	Hội đồng quản lý			
1	Phan Xuân Nam	Kỹ sư Thủy sản	Phó Chủ tịch Hội Nông dân thành phố, Trưởng Ban Công tác Nông dân	Chủ tịch
2	Phan Thị Thanh Chung	Cử nhân Kinh tế	UVBCH, Phó Chánh Văn phòng MTTQ thành phố	Thành viên
3	Phạm Anh Vũ	Cử nhân Sinh học	UVBCH, CV Ban Công tác Nông dân	Thành viên
II.	Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Văn Lâm	Kỹ sư Công nghệ thông tin	UVTV, Phó Trưởng Ban Công tác Nông dân	Trưởng Ban
2	Nguyễn Duy Tiến	Cử Nhân Luật	UVBCH, CV Ban Công tác Nông dân	Thành viên
III	Ban Điều hành			
1	Phan Thị Thanh Chung	Cử nhân Kinh tế	UVBCH, Phó Chánh Văn phòng MTTQ thành phố	Giám đốc
2	Nguyễn Thị Thanh Nga	Cử nhân Báo chí	UVTV, Phó Trưởng Ban Công tác Nông dân	Phó Giám đốc

V. PHƯƠNG ÁN VỀ NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TRONG 05 NĂM TIẾP THEO

1. Nguồn vốn hoạt động

1.1. Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp

Tại thời điểm kiện toàn bộ máy tổ chức và hoạt động (năm 2025), nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố được ngân sách thành phố cấp: 30,2 tỷ đồng.

Tổng vốn điều lệ do ngân sách thành phố cấp đến năm 2030: 60,2 tỷ đồng.

- Nguồn vốn hiện có: 30,2 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đề nghị ngân sách thành phố cấp từ năm 2026 đến năm 2030: 30 tỷ đồng (*Ba mươi tỷ đồng*).

Hàng năm, trên cơ sở cân đối nguồn lực và tình hình hoạt động của Quỹ, Sở Tài chính sẽ tham mưu UBND thành phố xem xét phê duyệt hỗ trợ vốn điều

lệ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật hiện hành.

1.2. Vốn điều lệ hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn hợp pháp khác

Dự kiến đến ngày 31/12/2025: 0,49 tỷ đồng.

Dự kiến đến năm 2030: 1,78 tỷ đồng (tăng bình quân 258 triệu đồng/năm).

1.3. Nguồn vốn vận động ủng hộ

Đến ngày 31/7/2025: 5,97 tỷ đồng.

Dự kiến đến năm 2030: 9,72 tỷ đồng.

1.4. Vốn nhận ủy thác từ Trung ương Hội

Đến ngày 31/7/2025: 9,98 tỷ đồng.

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định 37/2023/NĐ-CP, vốn ủy thác không thuộc vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và được hạch toán, theo dõi riêng.

2. Kế hoạch vốn điều lệ và sử dụng vốn điều lệ giai đoạn 2026 - 2030

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm				
		2026	2027	2028	2029	2030
A	Nguồn vốn	4,94	6,01	8,04	8,03	8,02
1	Ngân sách cấp trong năm	4,00	5,00	7,00	7,00	7,00
2	Nguồn vận động ủng hộ	0,75	0,75	0,75	0,75	0,75
3	Vốn khác trong năm (Quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ trong năm, vốn khác, bổ sung từ KQHĐ.....)	0,19	0,26	0,29	0,28	0,27
B	Sử dụng vốn					
1	Số dự án tăng thêm (ĐVT: dự án)	10,00	12,00	16,00	16,00	16,00
2	Số hộ vay tăng thêm (ĐVT: hộ vay)	100,00	120,00	160,00	160,00	160,00
3	Trung bình số vốn/dự án	0,49	0,50	0,50	0,50	0,50

3. Kế hoạch tài chính giai đoạn 2026 - 2030*Đơn vị: tỷ đồng*

TT	Nội dung	Kế hoạch				
		2026	2027	2028	2029	2030
I	Nguồn vốn	41,61	47,62	55,66	63,69	71,71
1	Vốn tồn đầu năm	36,67	41,61	47,62	55,66	63,69
2	Vốn điều lệ ngân sách cấp trong năm	4,00	5,00	7,00	7,00	7,00
3	Nguồn vận động ủng hộ	0,75	0,75	0,75	0,75	0,75
4	Vốn khác trong năm (Quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ trong năm, vốn khác)	0,19	0,26	0,29	0,28	0,27
II	Vốn ủy thác	12,00	14,00	16,00	16,00	16,00
III	Thu nhập	3,57	4,09	4,78	5,43	6,08
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn (theo mức hiện tại: 8,4%/năm)	3,32	3,80	4,44	5,08	5,72
2	Thu từ hoạt động nhận ủy thác (phần thành phố được hưởng: 1,5%/năm)	0,18	0,21	0,24	0,24	0,24
3	Thu khác (TGNH, hoàn nhập dự phòng rủi ro, khác...)	0,07	0,08	0,09	0,11	0,12
IV	Chi phí	3,01	3,48	4,15	4,80	5,50
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ	1,62	1,89	2,34	2,73	3,12

1.1	<i>Chi trả phí cho cấp xã (tạm tính: 45% x Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn)</i>	1,49	1,71	2,00	2,29	2,57
1.2	<i>Chi trích lập dự phòng rủi ro, xử lý nợ và hoạt động nghiệp vụ khác</i>	0,12	0,18	0,34	0,44	0,54
2	Chi hoạt động bộ máy	1,34	1,53	1,74	1,99	2,28
2.1	<i>Chi cho cán bộ, người lao động Quĩ</i>	0,52	0,62	0,75	0,90	1,08
2.2	<i>Chi hoạt động quản lý (công tác phí; VPP; cước phí bưu điện, điện thoại; hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo; kiểm tra, kiểm toán, chi hoạt động khác....)</i>	0,82	0,90	0,99	1,09	1,20
3	Các khoản chi phí khác	0,05	0,06	0,07	0,09	0,10
V	Kết quả tài chính (Thu - Chi)	0,56	0,62	0,62	0,63	0,59
VI	Phân phối kết quả tài chính	0,56	0,62	0,62	0,63	0,59
1	Quỹ đầu tư phát triển (20%)	0,11	0,12	0,12	0,13	0,12
2	Quỹ Dự phòng tài chính (10%)	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06

3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Không quá 3 tháng lương, phụ cấp)	0,09	0,10	0,11	0,12	0,13
4	Quỹ thưởng người quản lý (Không quá 1,5 tháng lương, phụ cấp)	0,04	0,04	0,05	0,05	0,06
5	Bổ sung nguồn vốn từ KQHĐ	0,26	0,29	0,28	0,27	0,22

VI. DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG, QUẢN LÝ, TÀI CHÍNH CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TRONG VÒNG 05 NĂM TIẾP THEO

1. Đối tượng và điều kiện cho vay

1.1. Đối tượng vay vốn

a. Là hội viên Hội Nông dân Việt Nam thường trú ở thành phố Huế, sinh hoạt tại các chi hội, tổ hội trên địa bàn thành phố.

b. Có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

1.2. Điều kiện cho vay

a. Khách hàng vay vốn phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

b. Khách hàng vay vốn được ủy ban nhân dân cấp xã/phường xác nhận cư trú tại địa phương nơi Quỹ Hỗ trợ nông dân cho vay vốn.

c. Có mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.

d. Phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã. Phương án vay vốn của từng khách hàng và phương án chung của nhóm được Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố đánh giá là khả thi, có khả năng trả được nợ vay.

đ. Tại một thời điểm, một khách hàng chỉ được vay vốn tại một phương án chung của nhóm từ Quỹ Hỗ trợ nông dân.

e. Các thành viên trong cùng một hộ gia đình không được phát sinh dư nợ vay tại Quỹ Hỗ trợ nông dân trong cùng một thời điểm.

2. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, bảo đảm tiền vay, thẩm quyền quyết định cho vay, giới hạn cho vay

Thực hiện theo quy định của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ

chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố; các quy định và hướng dẫn nghiệp vụ cho vay Quỹ Hỗ trợ nông dân của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố, Hội đồng quản lý và Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

3. Hội đồng xử lý rủi ro

3.1. Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố làm Chủ tịch và các thành viên gồm: Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và 02 thành viên khác do Ban Thường trực UBMTTQ VN thành phố, Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố quyết định.

3.2. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro

a) Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ HTND thành phố báo cáo.

b) Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

c) Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, trong đó phải xác định rõ thời gian và biện pháp để thu hồi nợ.

d) Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

đ) Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ đề xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Điều lệ này.

e) Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố ký ban hành.

4. Trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cho vay

a) Quỹ HTND thành phố thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay theo quy định áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô, phù hợp với đặc thù hoạt động của Quỹ HTND thành phố theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Đối với những khoản nhận ủy thác cho vay mà Quỹ HTND thành phố không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro.

c) Tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ HTND thành phố: Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố sau khi báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, có ý kiến chỉ đạo.

d) Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ban Điều

hành Quỹ HTND thành phố xây dựng quy chế xử lý rủi ro trình Hội đồng quản lý Quỹ HTND thành phố ban hành sau khi xin ý kiến của Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố.

Quy chế xử lý rủi ro bao gồm các nội dung cơ bản sau: nguyên tắc xử lý rủi ro; các trường hợp, biện pháp, thẩm quyền xử lý rủi ro; hồ sơ, trình tự thủ tục xử lý rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro, chế độ thông tin, báo cáo và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong xử lý rủi ro của Quỹ HTND thành phố.

5. Nhận ủy thác và ủy thác

5.1. Nhận ủy thác

a) Quỹ HTND thành phố được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ Quỹ hỗ trợ nông dân cấp trên và từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác có cùng đối tượng hỗ trợ tại địa phương.

b) Đồng tiền nhận ủy thác cho vay là Đồng Việt Nam (VND).

c) Việc nhận ủy thác của Quỹ HTND thành phố thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ HTND thành phố với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác và bên nhận ủy thác.

- Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác.

- Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác.

- Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; bên chịu rủi ro tín dụng và trách nhiệm xử lý rủi ro.

- Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có).

- Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Quỹ HTND thành phố có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ HTND thành phố. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ Hỗ trợ nông dân phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ của Quỹ HTND thành phố.

đ) Quỹ HTND thành phố ban hành quy chế nhận ủy thác cho vay, quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm trong quản lý vốn nhận ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Ủy thác

a) Quỹ HTND thành phố được ủy thác cho Hội Nông dân xã/phường thực hiện một số nhiệm vụ trong quy trình cho vay nhằm tăng cường hiệu quả quản lý vốn vay, tiết kiệm chi phí.

b) Đơn vị nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức thỏa thuận tại văn bản ủy thác đã ký.

c) Quỹ HTND thành phố ban hành quy chế ủy thác, quy định cụ thể nội dung, phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

6. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

a. Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính.

b. Năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố từ ngày 01 tháng 01 đến ngày ngày 31 tháng 12 hàng năm.

c. Báo cáo tài chính năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chế độ báo cáo

Quỹ Hỗ trợ nông dân lập và gửi các báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, hằng năm gửi UBNDTPVN thành phố, Hội Nông dân thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương. Chi tiết các loại báo cáo và thời hạn báo cáo thực hiện tại Điều 37, Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Nông dân thành phố

- Phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát và hướng dẫn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

- Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Huế. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch tài chính năm; báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ theo quy định.

- Thực hiện các chỉ đạo, quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đối với công tác xây dựng, quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố

xem xét bố trí ngân sách nhà nước để cấp vốn điều lệ cho Quỹ.

- Vận động, phát triển nguồn vốn ngoài ngân sách để bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Hội Nông dân thành phố để hướng dẫn, xây dựng quy chế quản lý tài chính, tài sản Quỹ.

- Phối hợp với Hội Nông dân thành phố, các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND thành phố cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

3. Sở Nội vụ

- Phối hợp trong việc hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố, phù hợp với tính chất, mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Huế

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

- Phối hợp với Hội Nông dân thành phố kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố.

5. Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố

- Quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan, bảo đảm an toàn và phát triển vốn; vận động, phát triển nguồn vốn ngoài ngân sách để bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Phối hợp trong việc hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố, phù hợp với tính chất, mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố./.